

NGHIÊN CỨU VỀ HIỆN TƯỢNG TÔN GIÁO MỚI CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI NGHIÊN CỨU HIỆN TƯỢNG TÔN GIÁO MỚI TRÊN THẾ GIỚI¹

ThS. Vương Ngọc Thi

Viện Dân tộc học

Email: vuongngocthi@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết bước đầu đưa ra những phác họa tổng quan tình hình nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới ở các dân tộc thiểu số nước ta, trong mối tương quan với nghiên cứu hiện tượng tôn giáo mới của các nghiên cứu quốc tế. Nội dung bài viết gồm hai mục: Tổng quan tình hình nghiên cứu về các hiện tượng tôn giáo mới ở các dân tộc thiểu số Việt Nam qua hai trường hợp cụ thể là nghiên cứu về tổ chức Dương Văn Minh ở miền núi phía Bắc và Hà Môn ở Tây Nguyên; Nêu lên những tương đồng, khác biệt giữa nghiên cứu về các hiện tượng tôn giáo mới ở các tộc người thiểu số nước ta với những nghiên cứu quốc tế về các khái niệm và lý thuyết áp dụng, những chủ đề nghiên cứu chính và tương lai của ngành nghiên cứu. Qua đó, tác giả nhận diện những vấn đề còn tồn tại và hướng đi trong thời gian tới của lĩnh vực nghiên cứu này ở Việt Nam.

Từ khóa: Hiện tượng tôn giáo mới, dân tộc thiểu số, Việt Nam, thế giới.

Abstract: The article initially provides an overview of the research situation on new religious phenomena of ethnic minorities in our country, concerning the international research on new religious phenomena of recently. The content of the article consists of two sections: An overview of research on new religious phenomena in Vietnam's ethnic minorities through two specific cases: a study on Duong Van Minh organization in the northern mountainous region and Ha Mon in the Central Highlands; Pointing out the similarities and differences between domestic and international research on new religious phenomena in ethnic minorities. A comparison is made on concepts and theories, main research topics, the future of this research path. Thereby, the author identifies the remaining problems and future directions of this research field in Vietnam.

Keywords: New religious phenomenon, ethnic minorities, Vietnam, the world.

Ngày nhận bài: 25/4/2021; ngày gửi phản biện: 10/5/2021; ngày duyệt đăng: 13/6/2021

¹ Bài viết là kết quả đề tài cấp Cơ sở năm 2020: “Tổng quan nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng các tộc người vùng biên giới Việt Nam” do Viện Dân tộc học chủ trì, ThS. Vương Ngọc Thi làm chủ nhiệm.

Mở đầu

Hiện tượng tôn giáo mới ở các dân tộc thiểu số (DTTS) Việt Nam là một lĩnh vực nghiên cứu còn nhiều khoảng trống, rất cần sự quan tâm hơn nữa từ các nhà nghiên cứu. Bài viết này là một nỗ lực nhằm bước đầu đưa ra những phác họa tổng quan tình hình nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới ở các DTTS Việt Nam, đồng thời định vị vị trí những nghiên cứu đó trong các nghiên cứu quốc tế. Bài viết gồm hai nội dung, phần thứ nhất đi vào tổng quan tình hình nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới ở các DTTS Việt Nam; các nhận định của người viết được làm rõ hơn qua hai trường hợp cụ thể là nghiên cứu về tổ chức Dương Văn Minh ở khu vực miền núi phía Bắc và đạo Hà Mòn ở Tây Nguyên. Phần thứ hai của bài viết nêu lên những tương đồng và khác biệt giữa nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới ở các DTTS Việt Nam với những nghiên cứu quốc tế trên nhiều phương diện, bao gồm các khái niệm và lý thuyết áp dụng, các chủ đề nghiên cứu chính và tương lai của chủ đề nghiên cứu. Qua đó, tác giả nhận diện những vấn đề còn tồn tại và hướng đi trong tương lai của lĩnh vực nghiên cứu này tại Việt Nam.

1. Nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

1.1. Thực trạng hiện tượng tôn giáo mới ở các dân tộc thiểu số Việt Nam và vấn đề đặt ra cho nghiên cứu

Theo kết quả thống kê của Bộ Nội vụ (2019), đến ngày 30/10/2019, trên cả nước có khoảng 70 hiện tượng tôn giáo mới, trong đó có 26 hiện tượng tôn giáo mới từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam và 44 hiện tượng tôn giáo mới hình thành ở trong nước. Tính đến ngày 30/10/2019, khu vực Tây Bắc Bộ có khoảng 15 hiện tượng tôn giáo mới với nguồn gốc, phạm vi, nội dung, mức độ ảnh hưởng, cũng như xu hướng phát triển khác nhau, nổi bật nhất là đạo Giê Sùa và Bà cô Dợ (Bộ Nội vụ, 2019). Ở Đông Bắc Bộ có khoảng 20 hiện tượng tôn giáo mới, trong đó có những hiện tượng hoạt động mạnh, tiềm ẩn nhiều bất ổn về an ninh chính trị, trật tự xã hội như tổ chức Dương Văn Minh, đạo Thanh Hải Vô Thượng Sư (Bộ Nội vụ, 2019). Các hiện tượng tôn giáo mới ở Tây Nguyên thu hút khá đông người tin theo, nhất là đồng bào DTTS. Trong số đó, Tin Lành Đê ga và Hà Mòn đã thu hút được hàng nghìn người tham gia. Hai hiện tượng này có nguồn gốc từ Tin Lành và Công giáo, nhưng về sau trong quá trình hoạt động đã bị các thế lực bên ngoài, nhất là FULRO lôi kéo, lợi dụng (Bộ Nội vụ, 2019). Đến nay, hầu hết các hiện tượng này không được công nhận về mặt pháp lý, chưa được cấp đăng ký hoạt động và công nhận về tổ chức.

Đối với việc nghiên cứu các hiện tượng tôn giáo mới, tác giả Nguyễn Quốc Tuấn (2011) cho rằng từ những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI ở Việt Nam bắt đầu có nhu cầu xem xét, nghiên cứu một số biểu hiện của các hiện tượng tôn giáo mới, cả về thực tiễn và lý thuyết. Song, nghiên cứu hiện tượng tôn giáo mới ở nước ta chỉ dừng lại ở những công trình đơn lẻ. Rất ít nhà nghiên cứu có thể được coi là chuyên gia về các hiện tượng tôn giáo

mới hay một hiện tượng tôn giáo mới cụ thể ở Việt Nam, chưa đề cập đến nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới ở các DTTS. Theo tác giả Đỗ Quang Hưng (2014), cho tới năm 2014, ngoài Viện Nghiên cứu Tôn giáo có một vài nghiên cứu bài bản, còn lại các nghiên cứu khác phần nhiều có tính bề mặt, chủ yếu là ứng phó về chính sách cho địa phương hay cho Ban Tôn giáo Chính phủ. Theo như hiểu biết của người viết, đến nay rất ít công trình nghiên cứu đánh giá toàn diện về các hiện tượng tôn giáo mới cũng như thực trạng công tác đối với hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam thời gian qua².

Có thể thấy, sự quan tâm dành cho lĩnh vực nghiên cứu về các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam, đặc biệt với đối tượng các DTTS là chưa thỏa đáng. Song, thực tại xã hội đang đặt ra những yêu cầu bức thiết cho các nhà quản lý và các nhà khoa học, nhằm đưa ra những cách tiếp cận mới giải quyết thỏa đáng hơn mối quan hệ giữa nhà nước, xã hội và những hiện tượng tôn giáo mới. Một trường hợp điển hình có thể kể đến là hiện tượng Dương Văn Minh, đến nay đã tồn tại hơn ba thập kỷ dù không được chính quyền các cấp công nhận. Ngày 26/03/2021, trong phiên thảo luận tại Hội trường Quốc hội về Báo cáo công tác nhiệm kỳ khóa XIV của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ và các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Sùng Thìn Cò của tỉnh Hà Giang đã nêu câu hỏi chất vấn về sự tồn tại của tổ chức Dương Văn Minh. Theo ông, hiện tượng này xuất hiện đáp ứng nhu cầu của người Hmông muốn có một thực hành tang ma mới ít tốn kém hơn; về bản chất những người theo đạo không có mục đích chống phá Nhà nước, vẫn giữ văn hóa truyền thống của người Hmông; do vậy, đề nghị các cấp có thẩm quyền phải đối thoại trực tiếp với người dân để không có cái nhìn sai lệch về bản chất hiện tượng và sớm giải quyết cho người dân³. Ý kiến của ông Sùng Thìn Cò có thể coi là sự phản ánh tâm tư nguyện vọng của một bộ phận người Hmông, yêu cầu cần có những nghiên cứu dài kỳ, chuyên sâu và đa góc độ tiếp cận hơn đối với những hiện tượng tôn giáo mới như tổ chức Dương Văn Minh.

1.2. Vấn đề nghiên cứu, phương pháp và kết quả nghiên cứu

Vài năm trở lại đây, Viện Dân tộc học chủ trương tiến hành nghiên cứu ở khu vực biên giới - nơi đang có những biến động sâu sắc trong các thực hành tôn giáo, tín ngưỡng của các DTTS, để có những câu trả lời toàn diện hơn về cả mặt lý luận và thực tiễn cho các vấn đề về tôn giáo, tín ngưỡng của các DTTS nói chung, các hiện tượng tôn giáo mới ở các DTTS Việt

² Ngày 30/12/2016, Bộ Chính trị có Thông báo kết luận số 20-TB/TW về Đề án “*Chính sách tổng thể về tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta*”, trong đó có nội dung “tiến hành nghiên cứu, khảo sát đối với hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện đa dạng ở Việt Nam thời gian qua để nhận diện, đánh giá và phân loại, xây dựng tiêu chí cho đăng ký sinh hoạt tôn giáo nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật”. Báo cáo của Bộ Nội vụ (2019) là báo cáo đầu tiên thống kê và trình bày thực trạng các hiện tượng tôn giáo mới trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Ở cấp độ vùng, có thể kể đến cuốn sách “*Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay*” của Nguyễn Văn Minh (Chủ biên, 2017).

³ Phát biểu của ông Sùng Thìn Cò có thể được xem tại clip “*Đại biểu Quốc hội Sùng Thìn Cò ý kiến về cán bộ thiếu trách nhiệm, không sâu sát tình hình người dân*”, trên trang <https://www.youtube.com>, đăng ngày 27/03/2021 (Truy cập ngày 25/04/2021).

Nam nói riêng. Bài viết này là một phần rút ra từ kết quả đề tài nghiên cứu cấp Cơ sở năm 2020 “*Tổng quan nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng các tộc người vùng biên giới Việt Nam*” do Viện Dân tộc học chủ trì, được thực hiện với vai trò chuẩn bị cho những nghiên cứu có quy mô lớn hơn và khảo sát thực địa sau đó.

Như đã nêu, bài viết chỉ tập trung tổng quan các kết quả nghiên cứu về những hiện tượng tôn giáo mới của các DTTS ở Việt Nam, chủ yếu ở khu vực biên giới. Với tính chất là một nghiên cứu tổng quan, người viết tổng hợp các công trình đã được công bố về hiện tượng tôn giáo mới của các DTTS ở nước ta. Nghiên cứu sử dụng phương pháp sưu tầm, phân tích và đánh giá tổng hợp các nguồn tư liệu. Tác giả chỉ tổng quan dựa trên các công trình được phép tiếp cận từ 04 nguồn là: Thư viện Viện Dân tộc học và Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo (Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam), Thư viện Viện Nghiên cứu chính sách (Ban Tôn giáo Chính phủ), các bài viết được công bố toàn văn trên hệ Cơ sở dữ liệu Công bố Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia). Bài viết tập trung vào những nghiên cứu được công bố trong thời gian mười năm trở lại đây, có địa bàn nghiên cứu là các tỉnh biên giới của Việt Nam.

Dưới đây, người viết đưa ra ba nhận định chính từ kết quả tổng quan nghiên cứu về các hiện tượng tôn giáo mới ở người DTTS, nêu những ví dụ minh chứng từ hai hiện tượng tôn giáo mới là tổ chức Dương Văn Minh và Hà Môn - hai trường hợp mà gần đây các nhà nghiên cứu bắt đầu đưa ra những câu hỏi và cách tiếp cận mới để giải thích sự tồn tại, mở rộng số lượng tín đồ, bất chấp quản lý hành chính của chính quyền địa phương trong vài thập kỷ qua.

- *Nhận định 1: Điềm qua những nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới của các DTTS ở Việt Nam cho thấy, số lượng các nghiên cứu còn rất ít, đội ngũ nhà nghiên cứu mỏng và chưa thực sự chuyên sâu về mảng nghiên cứu này.* Với hiện tượng Dương Văn Minh, có thể kể tới một vài nghiên cứu của các tác giả Khổng Diễn (2018); Trương Văn Chung (Chủ biên, 2016); Bộ Nội vụ (2019); Nguyễn Phú Lợi (2019). Đối với đạo Hà Môn, cũng mới có một số ít nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Văn Minh (Chủ biên, 2017); Trương Văn Chung (Chủ biên, 2016); Nguyễn Phú Lợi (2014); Nguyễn Thị Kim Vân (2013); Bộ Nội vụ (2019);...

- *Nhận định 2: Các nghiên cứu chủ yếu tiếp cận về hiện tượng tôn giáo mới dưới góc độ quản lý nhà nước, xem các hiện tượng này như những vấn đề xã hội tiềm ẩn mâu thuẫn và rối loạn trật tự an ninh khu vực, mà chưa/ít tiếp cận chúng dưới góc độ một hiện tượng xã hội có tính tôn giáo. Do đó, kết quả nghiên cứu thiếu đi sự đa chiều của hiện tượng, đồng thời có ít tác dụng khi tư vấn cho Nhà nước trong phương hướng xử lý và giải quyết những vấn đề xung quanh các hiện tượng này. Các hiện tượng tôn giáo mới được tập trung nghiên cứu cũng là những hiện tượng được cho là đe dọa an ninh, hòa bình và đoàn kết các dân tộc khu vực biên giới như Tin Lành Đê ga, Tổ chức Dương Văn Minh, đạo Hà Môn. Các nghiên cứu về tổ chức Dương Văn Minh đã nêu ở trên hầu như đều có bố cục tương tự nhau, được mở đầu với một*

bản “lý lịch” cá nhân ngắn gọn và khá thống nhất về Dương Văn Minh, sự khởi phát, quá trình phát triển của đạo Dương Văn Minh qua nhiều giai đoạn, hiện trạng của đạo Dương Văn Minh, và một số thực hành “lạ lùng” của đạo này (Nguyễn Văn Minh, 2017; Trương Văn Chung chủ biên, 2016; Bộ Nội vụ, 2019; Khổng Diễm, 2018). Dưới góc nhìn về an ninh chính trị, tác giả Khổng Diễm (2018) đặc biệt đi sâu vào những yếu tố bất hợp lý, có màu sắc mê tín dị đoan và bất hợp pháp của đạo Dương Văn Minh. Theo tác giả, đạo Dương Văn Minh yêu cầu tín đồ bỏ các công việc trần gian như lao động sản xuất, học tập, vứt bỏ hoặc phá hủy các tài sản quý, yêu cầu thiếu nữ chưa chồng phải ngủ với trai thì mới được Chúa đón nhận,... Trong mối quan hệ với Nhà nước Việt Nam, đạo này thể hiện hành vi chống đối khi xây dựng trái phép các “nhà đờn”, ngăn cản việc tháo dỡ các công trình này, cũng như đe dọa, ép buộc người dân từ bỏ quyền công dân không đi bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp năm 2016,... (Khổng Diễm, 2018). Các tác giả hầu như thống nhất có thể chia quá trình hình thành, phát triển của hiện tượng này thành ba giai đoạn: (i) Từ năm 1987 đến tháng 8/1989 - Dương Văn Minh tuyên truyền về đạo Vàng Chử; (ii) Từ ngày 01/8/1989 đến ngày 30/09/1990 - tuyên truyền về Đấng cứu thế Dương Văn Minh; (iii) Từ khi Dương Văn Minh mãn hạn tù về quê (1995) tiếp tục thực hiện ý định lập tôn giáo mới, tuyên truyền về đạo lạ Dương Văn Minh đến nay. Với nội dung thường gói gọn không quá 10 trang, những nghiên cứu nêu trên mang dáng vẻ của một báo cáo về vấn đề an ninh chính trị địa phương/khu vực nhiều hơn là một nghiên cứu trường hợp của ngành khoa học xã hội, vốn thường được đặc trưng bởi những cái nhìn đa chiều, đa diện, cũng như những chi tiết đời sống cụ thể, sinh động và các phỏng vấn sâu với những cá nhân riêng biệt về vấn đề được nghiên cứu.

Tương tự như vậy, các nghiên cứu về đạo Hà Môn đều tương đối ngắn gọn, bố cục khá giống nhau về lịch sử quá trình phát triển đạo, nguyên nhân và thực trạng của đạo trên địa bàn Tây Nguyên (Trương Văn Chung, 2016; Nguyễn Thị Kim Vân, 2013; Bộ Nội vụ, 2019). Các nghiên cứu này đều chỉ ra những ảnh hưởng tiêu cực của đạo đến đời sống của các dân tộc Ba-na, Xơ-đăng như khiến nhiều người bỏ lao động sản xuất, học sinh bỏ học một thời gian dài để tham gia đọc kinh, cầu nguyện, hành hương; đồng thời tập trung vào góc độ an ninh chính trị khi phân tích mối liên kết giữa đạo này với lực lượng FULRO từ những năm 2008 đến nay (Nguyễn Văn Minh chủ biên, 2017; Trương Văn Chung, 2016; Nguyễn Thị Kim Vân, 2013; Bộ Nội vụ, 2019).

- Nhận định 3: Trong thực tế, nhiều hiện tượng tôn giáo mới thực sự không quá mới mà đã tồn tại thời gian khá lâu dài và đứng vững ở một bộ phận người dân. Cho đến nay mới bắt đầu có những nghiên cứu cụ thể về các khía cạnh cụ thể như giáo lý, giáo luật, giáo lễ, tín đồ, nhất là ảnh hưởng của những hiện tượng tôn giáo mới này đến các mối quan hệ xã hội trong và ngoài tổ chức tôn giáo. Các nhà nghiên cứu đang đưa ra những góc tiếp cận riêng biệt và đa diện hơn so với góc nhìn ban đầu trên phương diện quản lý. Đi vào ví dụ cụ thể của trường hợp tổ chức Dương Văn Minh, các tác giả nêu trên đều có nhận định chung rằng, hiện tượng Dương Văn Minh xuất hiện năm 1987 là thời điểm một bộ phận người

Hmông có sự chuyển đổi niềm tin tôn giáo, từ bỏ tín ngưỡng truyền thống theo Tin Lành dưới tên gọi Vàng Chứ. Sự cải đạo này diễn ra trong bối cảnh Việt Nam từ bỏ chế độ tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường, tình hình kinh tế - xã hội lâm vào khủng hoảng, có những ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS. Những người theo Dương Văn Minh chủ yếu người Hmông Trắng di cư vì nhiều lý do, như trường hợp người Hmông ở Bắc Kạn di cư từ Cao Bằng sau chiến tranh biên giới 1979 (Trương Văn Chung chủ biên, 2016; Bộ Nội vụ, 2019; Khổng Diễm, 2018). Song, những nghiên cứu nói trên vẫn chưa đi sâu vào nội dung về giáo lý, giáo luật của đạo, chỉ ra nguyên nhân sâu xa mà một bộ phận người DTTS vẫn tin theo đạo sau một thời gian dài khởi phát. Một phần các câu hỏi này đã được trả lời trong bài viết “*Hiện tượng Dương Văn Minh: Một hướng tiếp cận*” của tác giả Nguyễn Phú Lợi (2019), do đã trình bày sâu hơn về các giáo lý, giáo luật của đạo Dương Văn Minh, đồng thời chỉ ra sự tiếp biến giữa giáo lý, giáo luật Tin Lành và tín ngưỡng truyền thống khi sử dụng những biểu tượng quen thuộc với cuộc sống của người Hmông như biểu tượng con ve sâu. Tác giả nhận định rằng, thực tế hiện tượng Dương Văn Minh với những đặc điểm nêu trên không chỉ có riêng ở Việt Nam mà đã xuất hiện ở nhiều nơi cùng với sự phát triển của Tin Lành ra thế giới. Theo tác giả, Dương Văn Minh là một hiện tượng tôn giáo mới của người Hmông, ra đời và phát triển do những điều kiện kinh tế - xã hội quyết định nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh của một bộ phận người Hmông. Đến nay, tổ chức này đã được định hình, phát triển tương đối ổn định, do vậy cần có những hiểu biết, chính sách tôn giáo phù hợp để quản lý nó chứ không đơn thuần là sử dụng những xử lý hành chính và pháp luật.

Có thể thấy, có hai cách tiếp cận và đánh giá về tổ chức Dương Văn Minh trong nghiên cứu: tiếp cận dưới góc độ nhà quản lý và tiếp cận dưới góc độ nhà nghiên cứu. Dưới góc độ nhà quản lý, tổ chức Dương Văn Minh được cho là có dấu hiệu hình thành tổ chức chính trị đối lập, do đó đến nay đã có một số văn bản chỉ đạo về đấu tranh, xóa bỏ tổ chức Dương Văn Minh, dứt khoát không công nhận tổ chức; các biểu tượng chọn sử dụng trong nhà đôn được cho là không phải biểu tượng truyền thống của người Hmông (Bộ Nội vụ, 2019). Trong khi, các nhà nghiên cứu giai đoạn đầu có góc nhìn tương tự và chịu ảnh hưởng từ các nhà quản lý, nhưng qua thời gian, nhất là cho tới gần đây, đã có sự biến đổi về cách nhìn và tiếp cận hiện tượng tôn giáo mới mà không mới này từ góc độ xã hội, nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của một bộ phận người Hmông.

Với trường hợp nghiên cứu về đạo Hà Mòn, khi đề cập nguyên nhân người DTTS theo đạo, ngoài những lý do khách quan do sự yếu kém, thiếu sát sao của các cơ quan quản lý Nhà nước ở cấp cơ sở, tác giả Nguyễn Văn Minh (Chủ biên, 2017) còn đưa ra những phân tích cụ thể về lý do chủ quan. Trong đó đáng chú ý là việc người dân ở hai làng Kơ Tu và Đăk Wok tăng cường việc đôn thổi tin “Đức Mẹ hiện hình” ở Hà Mòn nhằm “linh thiêng hóa” địa bàn họ cư trú để không phải di dời tới nơi định cư mới để lấy xây dựng thủy điện.

Nhóm tác giả cũng nhìn nhận sự xuất hiện của đạo Hà Môn như là sự thách thức, chia rẽ giữa tầng lớp giáo phu cũ và giáo phu mới, là sự khẳng định vị trí bản thân của tầng lớp giáo phu cũ trước những giáo phu mới ít kinh nghiệm, ít uy tín, do mới được điều từ nơi khác đến. Nhìn từ góc độ mối quan hệ giữa các tôn giáo, tác giả Nguyễn Phú Lợi (2014) cho rằng, đạo Hà Môn hay các hiện tượng khác như Canh tân đặc sủng là một sự thách thức đối với Công giáo trên địa bàn Tây Nguyên. Chúng thể hiện sự hạn chế của Công giáo trong việc thu hút và giữ tín đồ, do đó yêu cầu đạo này phải có những cải cách sửa đổi trong giáo lễ của mình cho phù hợp hơn với địa bàn hoạt động. Đồng thời, cũng thể hiện nhu cầu của người DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên để có một tôn giáo phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và nhận thức của họ.

Như vậy, tương tự với các nghiên cứu về hiện tượng Dương Văn Minh, các nghiên cứu về Hà Môn cũng phân ánh góc nhìn từ phía các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu. Các nhà quản lý coi sự hiện diện của đạo Hà Môn là một vấn đề an ninh - chính trị cần xử lý và loại bỏ, còn các nhà nghiên cứu, nhất là thời gian vài năm trở lại đây, đã tích hợp thêm những góc tiếp cận tôn giáo và xã hội để đi sâu hơn vào bản chất của hiện tượng này, đặt nó vào trong bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực Tây Nguyên, từ đó đưa ra những câu trả lời thỏa đáng hơn về sự tồn tại và lan tỏa của đạo Hà Môn suốt thời gian vài thập kỷ vừa qua.

2. Tương quan so sánh với nghiên cứu về tôn giáo mới trên thế giới

Dưới đây, người viết chỉ ra một số tương đồng, khác biệt giữa các nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới ở các DTTS Việt Nam và những nghiên cứu quốc tế về hiện tượng tôn giáo mới, với các trung tâm chủ yếu tập trung tại Mỹ và một số nước Châu Âu như Anh, Pháp, Ý. Nội dung so sánh bao gồm các phương diện về định nghĩa, phân loại hiện tượng tôn giáo mới; đội ngũ nghiên cứu; vấn đề “tây nã”; giới; lý thuyết áp dụng; và tương lai của chuyên ngành nghiên cứu này.

Về định nghĩa, phân loại hiện tượng tôn giáo mới: Ở các nước Âu - Mỹ, vào thập kỷ 70 thế kỷ XX, thậm chí từ những năm 1950 - 1960, mối quan tâm và sự bàn luận xung quanh các khái niệm như sect (giáo phái), denomination (chi phái, nhóm phái) và cult (tà giáo, đạo lạ) đã rất sôi nổi, với mục đích phân biệt ra những dạng thức tổ chức khác nhau của các tôn giáo, trước hết là để ứng xử giữa các tôn giáo được cho là chính thống với các tôn giáo có tính thay thế (những năm 1950 - 1960); sau đó là các ứng xử giữa các nhà nước Âu - Mỹ với các hiện tượng tôn giáo mới, nhất là những hiện tượng có tính quá khích và bạo lực (sau những vụ tự sát tập thể hay giết người hàng loạt do các nhóm tôn giáo mới thực hiện từ những năm 1970) (Ashcraft, 2018; Zeller, 2020; Dawson, 2003; Barker, 2003). Ở Việt Nam, như đã nói, cho đến những năm 2000 trở đi chúng ta mới bắt đầu có những luận giải, nghiên cứu về các hiện tượng tôn giáo mới, chủ yếu để trả lời câu hỏi của chính quyền về bản chất những hiện tượng này (thuộc hay không thuộc các tôn giáo đã được công nhận), từ đó có những ứng xử chính thức với chúng. Nếu giai đoạn đầu, cách xác định một tôn giáo mới của

các học giả quốc tế (chủ yếu là các học giả Âu - Mỹ) là tương tự với cách hiểu thông dụng của các nhà nghiên cứu Việt Nam hiện nay - tôn giáo mới là những hiện tượng tôn giáo vừa xuất hiện gần đây (xem khái niệm “hiện tượng tôn giáo mới” của nhóm tác giả Viện Nghiên cứu tôn giáo, tín ngưỡng, 2014), thì nay cách hiểu này đã được mở rộng cho nhiều giai đoạn lịch sử và khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, một tôn giáo không mới trong thời điểm hiện tại nhưng vẫn có thể được tiếp cận nghiên cứu dưới góc độ một tôn giáo mới tại một thời điểm trong quá khứ, hay một tôn giáo không mới đối với dân tộc này nhưng có thể được nghiên cứu với tính chất của một tôn giáo mới với một tộc người khác. Cách hiểu như vậy đã mở rộng, làm phong phú hơn đối tượng nghiên cứu của chuyên ngành này, đồng thời đưa ra một góc nhìn đa chiều hơn đối với tất cả các tôn giáo.

Về đội ngũ nghiên cứu: Các nhà nghiên cứu tôn giáo mới ở các nước Âu - Mỹ gồm hai trường phái chính với những giai đoạn đối chọi với nhau, không chỉ bút chiến mà còn cả pháp chiến. Một bên là các nhà nghiên cứu theo trường phái chống giáo phái (anticultist) xuất hiện từ những lời cầu cứu của các bậc cha mẹ có con tham gia vào các phong trào tôn giáo mới; số đông trong họ xuất thân là nhà trị liệu tâm lý, bác sĩ tâm lý, nhà tâm lý học, nhân viên công tác xã hội và nhà tư vấn. Bên kia là các nhà nghiên cứu tôn giáo mới, thường mang cái nhìn thiện cảm với các phong trào tôn giáo mới. Trong giai đoạn đầu, giữa các học giả theo trường phái chống giáo phái và nhà nghiên cứu tôn giáo mới còn chưa có sự phân định rõ ràng, nhưng đến giữa những năm 1980 đã có sự chia cắt, mâu thuẫn gay gắt giữa hai bên. Nếu các nhà nghiên cứu theo trường phái chống giáo phái quan tâm chủ yếu đến những yếu tố cá nhân, thì các nhà nghiên cứu tôn giáo mới quan tâm đến các nhóm và cấu trúc xã hội của nhóm. Nếu như giai đoạn đầu, các nhà nghiên cứu theo trường phái chống giáo phái nhận được nhiều sự quan tâm, hỗ trợ, tin cậy từ cả phía công chúng và các cơ quan nhà nước thì từ cuối những năm 1980, uy tín và địa vị của họ dần được chuyển sang phía các nhà nghiên cứu tôn giáo mới, do những thất bại trong việc cung cấp các tư vấn, bằng chứng có hiệu quả, thuyết phục cho các cơ quan nhà nước (Ashcraft, 2018; Dawson, 2003).

So sánh với tình hình nghiên cứu ở Việt Nam, tuy cũng tồn tại hai quan điểm khác biệt nhưng đến nay chưa đi đến mức độ gay gắt, đặc biệt ở nước ta không có đội ngũ các nhà nghiên cứu có thiện cảm với các phong trào tôn giáo mới như ở các nước Âu - Mỹ, nơi mà những năm 1950 và ít nhất đến những năm 1970, các nhà nghiên cứu đó còn được chào đón một cách nhiệt tình, không nghi kỵ trong những tổ chức tôn giáo mới (Ashcraft, 2018). Điểm tương tự là trong những năm gần đây, cùng với những chuyển biến trong chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam, các cấp chính quyền cũng đã yêu cầu một cách tiếp cận mới đối với các hiện tượng tôn giáo mới, nhằm đưa ra những giải pháp và chính sách hiệu quả hơn trong quản lý, điều hành các mối quan hệ giữa các tổ chức tôn giáo với nhà nước và xã hội. Điều này yêu cầu một cách tiếp cận vượt qua khỏi định kiến cũ, vốn thường coi các tôn giáo mới

như những vấn đề xã hội có tính bất ổn định, đe dọa trật tự an toàn xã hội, do đó cần bị kiểm soát chặt chẽ hay thậm chí loại bỏ (Feltmate, 2016).

Về vấn đề “tẩy não”: Một trong những tranh cãi lớn nhất suốt lịch sử nghiên cứu về các hiện tượng tôn giáo mới trên thế giới là xoay quanh vấn đề “tẩy não” (brainwashing); đây cũng là tranh cãi chủ yếu giữa những học giả theo trường phái chống giáo phái và các nhà nghiên cứu tôn giáo mới. Một điều khá thú vị là khái niệm “tẩy não” xuất hiện, được chấp nhận rộng rãi trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, khi người Mỹ đứng trước mối e ngại về sự lan tỏa của Chủ nghĩa cộng sản, và dùng khái niệm này để giải thích việc người dân trong các nước do Đảng cộng sản nắm quyền tin tưởng, thực hành theo chủ nghĩa này, đồng thời cũng áp dụng cho trường hợp một số (dù khá ít) tù binh chiến tranh Mỹ khi bị bắt, hoặc ngay cả khi đã được trao trả cho Mỹ đã tin theo Chủ nghĩa cộng sản (Richardson, 2003; Singer, 2003; Ashcraft, 2018). Từ những năm 1950, một hệ thống lý thuyết khá hoàn thiện về “tẩy não” (thành công trong điều kiện như thế nào, các kỹ thuật và trình tự thực hiện...) đã được phát triển. Thuật ngữ “tẩy não” trở nên vô cùng phổ biến trong những năm 1970, thậm chí có thể được coi là một phần của phong nền văn hóa người Mỹ trong giai đoạn đó, mặc dù có một khoảng cách khá xa giữa kết luận của các nhà khoa học về hiệu quả thực tế của những biện pháp này với niềm tin của đại chúng (Richardson, 2003; Ashcraft, 2018). Theo hiểu biết của người viết thì ở Việt Nam chưa có nghiên cứu nào sử dụng khái niệm “tẩy não” cũng như các lý thuyết đi cùng với nó trong nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới.

Về giới: Vấn đề giới đã chiếm một vị trí quan trọng trong các nghiên cứu về tôn giáo mới cùng với làn sóng nữ quyền thứ hai từ giữa những năm 1960 trở đi (Ashcraft, 2018). Tuy nhiên, các nghiên cứu ở Việt Nam về hiện tượng tôn giáo mới ở người DTTS cho đến nay chưa đi sâu vào yếu tố giới, ví dụ như đạo Hà Môn do bà Y Gyin lãnh đạo có thể có những tính chất khác biệt so với tổ chức Dương Văn Minh do nam giới lãnh đạo.

Về lý thuyết: Cho đến những năm 1990, các lý thuyết sử dụng trong nghiên cứu tôn giáo mới trên thế giới chủ yếu được lấy từ ngành xã hội học tôn giáo. Hiện nay, xã hội học và nhân học vẫn là hai ngành đóng vai trò chủ chốt trong các nghiên cứu này. Trong đó, lý thuyết sự lựa chọn duy lý sử dụng trong nghiên cứu tôn giáo do hai nhà khoa học Rodney Stark và William Bainbridge phát triển là một trong những lý thuyết được sử dụng phổ biến nhất (Zeller, 2020; Ashcraft, 2018; Ukuekpeyetan, 2014).

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới của người DTTS hầu như chưa áp dụng lý thuyết nghiên cứu. Nhìn rộng hơn, một vài nghiên cứu về quyết định theo đạo/cải đạo của các tộc người, mà chủ yếu là Công giáo, Tin Lành, hay Tin Lành Đê ga, có đề cập đến lý thuyết sự lựa chọn duy lý (xem thêm Vương Ngọc Thi, 2020a; Vương Ngọc Thi, 2020b). Song, hầu như đa số tác giả chưa đi vào cốt lõi của lý thuyết lựa chọn duy lý khi đề cập hay lựa chọn sử dụng nó. Ví dụ, tác giả Huỳnh Ngọc Thu (2014) sử dụng lý thuyết sự lựa chọn duy lý để nghiên cứu về chuyển đổi từ các tín ngưỡng truyền thống của

người Mnông ở tỉnh Bình Phước sang Công giáo. Kết quả cho thấy việc theo đạo dựa trên những tư duy duy lý của cá nhân về những lợi ích kinh tế - xã hội mà họ đạt được, nên 90% người dân ở đây lựa chọn theo Công giáo, còn 10% những người cảm thấy mình không nhận được lợi ích thì không theo tôn giáo nào. Trên thực tế, thuyết sự lựa chọn duy lý sử dụng trong nghiên cứu tôn giáo nhấn mạnh tính tất yếu tồn tại của tôn giáo để thỏa mãn nhu cầu của con người trong việc giải thích về cái chết và ý nghĩa của cuộc sống, là chỉ các yếu tố siêu nhiên mới có thể đảm nhiệm được (Ukuekpeyetan, 2014; Ashcraft, 2018). Nhận định của lý thuyết này đi ngược lại với lý thuyết thể tục hóa tôn giáo, vốn được nhiều nhà xã hội học đề cao những năm 1980 (Ashcraft, 2018). Như vậy, khi các nghiên cứu cho rằng các DTTS lựa chọn theo đạo hay không là đang thực hiện một lựa chọn duy lý và tập trung vào phân tích những lợi ích có tính hiện thực mà việc theo đạo mang đến, thì đây thực tế là góc nhìn của thuyết thể tục hóa tôn giáo. Với góc nhìn của thuyết sự lựa chọn duy lý trong tôn giáo, sự chuyển đổi sang các tôn giáo mới được thực hiện khi mà tôn giáo truyền thống dần biến đổi theo hướng khoa học hóa, do đó ít xoay quanh những yếu tố siêu nhiên, từ đó dẫn đến sự xuất hiện các tôn giáo mới cung cấp các bù đắp siêu nhiên (supernatural compensators) cho con người (Ukuekpeyetan, 2014; Ashcraft, 2018).

Về tương lai của ngành nghiên cứu tôn giáo mới: Đối với đào tạo, cho đến nay trên thế giới chưa có một chương trình giáo dục sau đại học được thiết lập cho các nghiên cứu về tôn giáo mới. Nếu những năm 1970 và 1980, tôn giáo mới là một trong những lĩnh vực nghiên cứu được chú ý nhất trong xã hội học tôn giáo thì hiện nay số lượng xuất bản của lĩnh vực nghiên cứu này đã giảm xuống đáng kể. Trong số những nhà nghiên cứu hàng đầu của xã hội học tôn giáo hiện nay và những nhà nghiên cứu trẻ đang lên, không ai nghiên cứu về tôn giáo mới, do đó tương lai của mảng nghiên cứu này có phần đáng lo ngại (Ashcraft, 2018). Các nghiên cứu tôn giáo mới trên thế giới hiện đã được chuyển giao sang thể hệ các nhà nghiên cứu thứ ba (Zeller, 2020); còn ở Việt Nam, nghiên cứu về tôn giáo mới vẫn đang ở những bước đầu tiên.

Kết luận

Tổng quan tình hình nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới của các DTTS ở Việt Nam, kết hợp định vị những nghiên cứu đó trong mối tương quan với các nghiên cứu quốc tế cho thấy, việc nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới ở các DTTS nước ta còn đang trong giai đoạn đầu phát triển, đang nỗ lực tìm ra những hướng đi mới cho mình để đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về lý luận và thực tiễn. Trên thế giới, sự chú ý vào các đặc điểm cấu trúc của các tôn giáo mới đang dần nhường chỗ cho những nghiên cứu về các quá trình xã hội mà qua đó các hiện tượng tôn giáo mới tiếp tục tạo ra và duy trì bản thân, các lý thuyết xã hội học tôn giáo cũng được mở rộng và kết hợp thêm lý thuyết từ những ngành nghiên cứu khác. Những biến đổi này cũng đang diễn ra đối với nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới của

các DTTS ở Việt Nam. Hy vọng thời gian tới, các nhà nghiên cứu Việt Nam sẽ tiếp tục nhanh chóng hòa nhập với các nghiên cứu trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

1. Ashcraft, W. Michael (2018), *A historical introduction to the study of new religious movements*, Routledge.
2. Barker, Eileen (2003), “The scientific study of religion? You must be joking!”, in: *Cults and new religious movements: A reader*, Blackwell Publishing.
3. Bộ Nội vụ, Viện Nghiên cứu chính sách tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ (2019), *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, khảo sát: Khảo sát, nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp đối với các “hiện tượng tôn giáo mới” ở Việt Nam hiện nay*, Hà Nội.
4. Trương Văn Chung (Chủ biên, 2016), *Tôn giáo mới: Nhận thức và thực tế*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Vũ Văn Chung (2017), “Nhận diện hiện tượng tôn giáo mới theo quan điểm của các tác giả Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 11, tr. 99-115.
6. Dawson, Lorne L. (Chủ biên, 2003), *Cults and new religious movements: A reader*, Blackwell Publishing.
7. Không Diễn (2018), “Về thực trạng kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh khu vực biên giới vùng Đông Bắc nước ta”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề về dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay* (Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia năm 2017), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. “Đại biểu Quốc hội Sùng Thìn Cò ý kiến về cán bộ thiếu trách nhiệm, không sâu sát tình hình người dân”, trên trang <https://www.youtube.com>, đăng ngày 27/03/2021 (Truy cập ngày 25/04/2021).
9. Đỗ Quang Hưng (2014), “Một số nhận định về ‘hiện tượng tôn giáo mới’ ở Việt Nam hiện nay”, trong: *Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 223-262.
10. Feltmate, David (2016), “Rethinking new religious movements beyond a social problems paradigm”, *Nova Religio: The journal of alternative and emergent religions*, Volume 2, Issue 2, tr. 82-96.
11. Nguyễn Phú Lợi (2014), “Thách thức đối với công giáo qua các hiện tượng ‘Canh tân đặc sủng’ và ‘Hà Môn’ ở khu vực Tây Nguyên hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 4, tr. 82-92.
12. Nguyễn Phú Lợi (2019), “Hiện tượng Dương Văn Minh: Một hướng tiếp cận”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 6, tr. 71-94.

13. Nguyễn Văn Minh (Chủ biên, 2017), *Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Nguyễn Văn Minh (2018), “Về “Vương quốc Hmông” và vấn đề ly khai, tự trị của người Hmông trong lịch sử và hiện tại”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề về dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay* (Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia năm 2017), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Richardson, James T. (2003), “A critique of “brainwashing” claims about new religious movements”, *Cults and new religious movements: A reader*, Blackwell Publishing.
16. Singer, Margaret Thaler (2003), “The process of Brainwashing, psychological coercion, and thought reform”, in: *Cults and new religious movements: A reader*, Blackwell Publishing.
17. Vương Ngọc Thi (2020a), “Tình hình nghiên cứu về Công giáo ở các dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 110-120.
18. Vương Ngọc Thi (2020b), *Tổng quan nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng các tộc người vùng biên giới Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Cơ sở, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
19. Huỳnh Ngọc Thu (2014), “Chuyển đổi tôn giáo: Sự lựa chọn duy lý của người Mông”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 9, tr. 126-136.
20. Nguyễn Quốc Tuấn (2011), “Về hiện tượng tôn giáo mới (phần đầu)”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 12, tr. 9-22.
21. Nguyễn Quốc Tuấn (2012), “Về hiện tượng tôn giáo mới (phần tiếp theo)”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 1, tr. 12-18.
22. Nguyễn Thị Kim Vân (2013), *Tín ngưỡng và tôn giáo dân tộc Bahnar, Jrai*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
23. Ukuekpeyetan, Nathaniel Aminorishe (2014), “Current trends in theories of religious studies: A clue to proliferation of religions worldwide”, *Global Journal of Arts humanities and Social sciences*, Vol. 2, No. 7, tr. 27-46.
24. Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2014), “Hiện tượng tôn giáo mới”, trong: *Giáo trình cao học Tôn giáo*, tr. 1317-1318.
25. Zeller, Benjamin E. (2020), “New religious movements: A bibliographic Introduction”, *Theological Librarianship*, Vol. 22, No. 1, tr. 38-49.